

Số: 226 /QĐ-ĐHKT

Hà Nội, ngày 27 tháng 01 năm 2022

### QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành đề cương học phần  
Quản lý nhà nước về kinh tế (03 tín chỉ) - Mã học phần: PEC2002  
(điều chỉnh lần 2)

### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ

Căn cứ Quyết định số 290/QĐ-TTg ngày 06/3/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Kinh tế thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 3568/QĐ-ĐHQGHN, ngày 08/10/2014 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội về việc ban hành Quy định về Tổ chức và hoạt động của các đơn vị thành viên và đơn vị trực thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 1224/QĐ-ĐHKT, ngày 15/4/2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Kinh tế - Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 5115/QĐ-ĐHQGHN ngày 25/12/2014 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học;

Căn cứ Hướng dẫn số 775/ĐT ngày 11/08/2006 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội về việc xây dựng đề cương môn học phù hợp với phương thức đào tạo theo tín chỉ;

Căn cứ Công văn số 2543/ĐHQGHN-ĐT ngày 26/7/2013 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội về việc xây dựng đề cương môn học;

Căn cứ Chương trình đào tạo chất lượng cao trình độ đại học ngành Kinh tế (đáp ứng Thông tư 23/2014/TT-BGDĐT ngày 18/7/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo), ban hành theo Quyết định số 2336/QĐ-ĐHQGHN ngày 16/08/2019 của Trường Đại học Kinh tế - ĐHQGHN;

Căn cứ Quyết định số 1864/QĐ-ĐHKT ngày 2/7/2019 của Trường Đại học Kinh tế về việc ban hành đề cương học phần Quản lý nhà nước về kinh tế (điều chỉnh lần 1);

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo và Trường Khoa Kinh tế chính trị,





## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành đề cương học phần **Quản lý nhà nước về kinh tế, 03 tín chỉ, điều chỉnh lần 2, mã học phần: PEC2002**, bậc đào tạo cử nhân, do PGS.TS. Phạm Thị Hồng Điệp biên soạn (đề cương kèm theo Quyết định này).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Trưởng phòng Đào tạo, Trưởng các phòng chức năng có liên quan, Trưởng Khoa Kinh tế chính trị, Lãnh đạo các Khoa/Viện chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

**Nơi nhận:**

- Như điều 2;
- Lưu: VT, N1.



Nguyễn Trúc Lê



**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**  
**QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KINH TẾ**

*(Ban hành theo Quyết định số 226/QĐ-ĐTĐH ngày 27 tháng 01 năm 2022)*

**1. Thông tin chung về giảng viên**

**1.1. Giảng viên 1:**

Họ và tên: Phạm Thị Hồng Điệp.

Chức danh, học hàm, học vị: Phó Giáo sư, tiến sĩ

Phòng làm việc: P101, nhà E4, khoa Kinh tế chính trị, trường Đại học Kinh tế – Đại học Quốc gia, 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội.

Điện thoại: 0914 133 330

E-mail: [dieppth@vnu.edu.vn](mailto:dieppth@vnu.edu.vn)

Hướng nghiên cứu chính: Quản lý nhà nước về kinh tế, Kinh tế thể chế, Quản lý công, Kinh tế chính trị Việt Nam

**1.2. Giảng viên 2:**

Họ và tên: **Hoàng Thị Hương**

Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ

Phòng làm việc: P101, nhà E4, khoa Kinh tế chính trị, trường Đại học Kinh tế – Đại học Quốc gia, 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội.

Điện thoại: 0982 920 977

E-mail: [huong.ht@vnu.edu.vn](mailto:huong.ht@vnu.edu.vn)

Hướng nghiên cứu chính: Quản lý nhà nước về kinh tế, Quản lý tài nguyên và môi trường, Quản lý và sử dụng đất đai, Nông nghiệp, nông thôn và nông dân...

**1.3. Giảng viên 3:**

Họ và tên: **Nguyễn Thị Hương Lan**

Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ

Phòng làm việc: P101, nhà E4, khoa Kinh tế chính trị, trường Đại học Kinh tế – Đại học Quốc gia, 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội.

Điện thoại: 0913 248998

E-mail: [lanntth@vnu.edu.vn](mailto:lanntth@vnu.edu.vn)

Hướng nghiên cứu chính: Quản lý nhà nước về kinh tế, phân tích chính sách kinh tế - xã hội, quản lý tài chính,...

**1.4. Giảng viên 4:**

Họ và tên: **Phạm Ngọc Hương Quỳnh**

Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ

Phòng làm việc: P101, nhà E4, khoa Kinh tế chính trị, trường Đại học Kinh tế – Đại học Quốc gia, 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội.

Điện thoại: 097 9104 786

E-mail: [quynhpnh@vnu.edu.vn](mailto:quynhpnh@vnu.edu.vn)

Hướng nghiên cứu chính: Quản lý nhà nước về kinh tế, Chính phủ và chính sách công, Kinh tế học về các vấn đề xã hội...

## 2. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: Quản lý nhà nước về kinh tế
- Mã học phần: PEC 2002
- Bậc đào tạo: Đại học
- Số tín chỉ: 03
- Các học phần tiên quyết: Không
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45
  - + Nghe giảng lý thuyết: 30
  - + Hoạt động nhóm trên lớp: 15
- Ngôn ngữ: Tiếng Việt
- Địa điểm học: Giảng đường
- Khoa phụ trách học phần: Khoa Kinh tế chính trị

## 3. Mục tiêu của học phần:

### 3.1. Kiến thức

<i>Trình độ đạt được của sinh viên</i>	<i>Trình độ tương ứng theo thang bậc nhận thức của Bloom</i>	<i>Năng lực/trình độ đạt được của sinh viên sau khóa học</i>
<i>Mức 1 (Có khả năng tái hiện)</i>	<i>Mức 1 (Nhớ)</i>	<ul style="list-style-type: none"><li>- Nhớ và trình bày được những khái niệm cơ bản về nhà nước, quản lý nhà nước, quản lý nhà nước về kinh tế.</li><li>- Nhận biết được mục tiêu, đối tượng, phạm vi và các nội dung quản lý nhà nước về kinh tế.</li><li>- Phân loại được chức năng, phương pháp quản lý nhà nước về kinh tế theo các tiêu chí đã xác định.</li><li>- Tái hiện được các hình thức bộ máy quản lý và các bước xây dựng đội ngũ công chức QLNN về kinh tế</li></ul>
<i>Mức 2 (Có khả năng tái tạo)</i>	<i>Mức 2 &amp; 3 (Hiểu và áp dụng)</i>	<ul style="list-style-type: none"><li>- Phân tích được các phương pháp, công cụ cơ bản của quản lý nhà nước về kinh tế.</li><li>- Phân tích được vai trò của thông tin và nguyên tắc, qui trình ra quyết định trong QLNN về kinh tế.</li><li>- Chỉ ra được sự khác biệt về bản chất và cách tiếp cận trong nguyên tắc và chức năng quản lý của quản lý nhà nước về kinh tế và quản lý của các đơn vị kinh tế cơ sở.</li></ul>
<i>Mức 3 (Có khả năng lập luận)</i>	<i>Mức 4 &amp; 5 (Phân tích và đánh giá)</i>	<ul style="list-style-type: none"><li>- Phân tích được tình hình thực hiện nguyên tắc, chức năng, phương pháp, công cụ QLNN về KT ở Việt Nam</li><li>- Đánh giá được hiện trạng hệ thống cơ quan quản lý và đội ngũ công chức QLNN về KT ở Việt Nam theo ngành, lĩnh vực và các cấp hành chính;</li><li>- Phân tích được tác động của bối cảnh mới và các vấn đề đặt ra đối với quản lý nhà nước về kinh tế ở Việt Nam từ đó đề xuất được một số khuyến nghị cơ bản nâng cao hiệu lực, hiệu quả về quản lý nhà nước về kinh tế</li></ul>



### **3.2. Kỹ năng**

#### **3.2.1 Kỹ năng chuyên môn**

- Có kỹ năng phân tích, nhận diện đúng, đánh giá được các vấn đề liên quan tới quản lý nhà nước về kinh tế.

- Có kỹ năng thuyết phục (bằng lời nói, bằng văn bản, thuyết trình, nêu vấn đề, xử lý tình huống...) một vấn đề khoa học về chủ đề quản lý nhà nước trong lĩnh vực kinh tế, thuộc chuyên ngành quản lý kinh tế.

#### **3.2.2. Kỹ năng hỗ trợ**

- Có khả năng vận dụng các kiến thức về quản lý kinh tế để phân tích, giải quyết các vấn đề cụ thể nảy sinh trong hoạt động thực tiễn.

- Có khả năng lập kế hoạch, thuyết trình, làm việc nhóm; biết lắng nghe và tôn trọng ý kiến người khác, trợ giúp lẫn nhau trong công việc và nghiên cứu.

- Bước đầu hình thành một số kỹ năng tổ chức, quản lý ở cấp độ tổ, nhóm thông qua các hoạt động nhóm.

### **3.3. Phẩm chất đạo đức**

- Có ý thức phát huy trách nhiệm cá nhân trong việc tham gia các hoạt động quản lý kinh tế - xã hội trong những điều kiện hoàn cảnh khác nhau

- Có hành vi và lời nói chuẩn mực; kiên định và trung thực, tự chủ và sáng tạo trong xử lý tình huống; biết lắng nghe và phản biện.

- Hình thành thái độ phục vụ phù hợp khi thực thi nhiệm vụ quản lý và cung ứng dịch vụ công trong tương lai.

## **4. Tóm tắt nội dung học phần**

Học phần Quản lý nhà nước về kinh tế trang bị cho người học kiến thức cơ bản, có hệ thống trong quản lý nhà nước về kinh tế. Trên cơ sở những vấn đề lý thuyết chung về quản lý nhà nước, tính tất yếu khách quan của QLNN về kinh tế và mục tiêu, đối tượng, phạm vi, nội dung của QLNN về KT, học phần đề cập đến các khía cạnh cụ thể hơn như chức năng, nguyên tắc, phương pháp, công cụ QLNN về kinh tế; thông tin và quyết định trong QLNN về KT; bộ máy quản lý và công chức QLNN về kinh tế. Ở mỗi khía cạnh cụ thể, người học được tiếp cận với những nội dung lý thuyết, đồng thời xem xét những biểu hiện thực tiễn của nội dung đó trong QLNN về KT ở Việt Nam gắn với các tình huống nghiên cứu. Học phần đồng thời cung cấp thông tin và gợi mở việc phân tích các vấn đề đặt ra cho QLNN về KT ở Việt Nam trong bối cảnh mới của hội nhập quốc tế, cách mạng công nghiệp lần thứ tư và xu thế hình thành nền kinh tế số.



## **5. Nội dung chi tiết học phần**

### **Chương 1**

#### **NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG CỦA QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KINH TẾ**

##### **1.1. Nhà nước và quản lý nhà nước**

1.1.1. Nhà nước

1.1.2. Quản lý nhà nước

1.1.3. Quản trị quốc gia

##### **1.2. Quản lý nhà nước về kinh tế**

1.2.1. Kinh tế và hoạt động kinh tế

1.2.2. Sự cần thiết khách quan của quản lý nhà nước về kinh tế.

1.2.3. Khái niệm, mục tiêu, đối tượng, phạm vi quản lý nhà nước về kinh tế

1.2.4. Nội dung quản lý nhà nước về kinh tế

##### **1.3. Đối tượng, phương pháp nghiên cứu quản lý nhà nước về kinh tế**

1.3.1. Đối tượng nghiên cứu

1.3.2. Phương pháp nghiên cứu

### **Chương 2**

#### **CHỨC NĂNG VÀ NGUYÊN TẮC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KINH TẾ**

##### **2.1. Quy luật kinh tế, cơ chế quản lý kinh tế và thể chế kinh tế**

2.1.1. Quy luật kinh tế

2.1.2. Cơ chế quản lý kinh tế

2.1.3. Thể chế kinh tế

##### **2.2. Chức năng quản lý Nhà nước về kinh tế**

2.2.1. Khái niệm và phân loại chức năng quản lý Nhà nước về kinh tế

2.2.2. Nội dung chức năng quản lý Nhà nước về kinh tế

##### **2.3. Các nguyên tắc quản lý Nhà nước về kinh tế**

2.3.1. Khái niệm và yêu cầu của nguyên tắc quản lý

2.3.2. Các nguyên tắc quản lý nhà nước về kinh tế

##### **2.4. Thực hiện chức năng và nguyên tắc quản lý nhà nước về kinh tế ở Việt Nam**

2.4.1. Thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về kinh tế



2.4.2. Thực hiện các nguyên tắc quản lý Nhà nước về kinh tế

### **Chương 3**

## **PHƯƠNG PHÁP VÀ CÔNG CỤ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KINH TẾ**

### **3.1. Phương pháp quản lý Nhà nước về kinh tế**

3.1.1. Khái niệm, đặc điểm, phân loại phương pháp quản lý Nhà nước về kinh tế

3.1.2. Một số phương pháp quản lý Nhà nước về kinh tế theo nội dung tác động

3.1.3. Phối hợp các phương pháp quản lý Nhà nước về kinh tế

### **3.2. Công cụ quản lý Nhà nước về kinh tế**

3.2.1. Khái niệm, đặc điểm công cụ quản lý Nhà nước về kinh tế

3.2.2. Một số công cụ cơ bản quản lý Nhà nước về kinh tế

### **3.3. Vận dụng phương pháp và công cụ quản lý nhà nước về kinh tế ở Việt Nam**

3.3.1. Vận dụng phương pháp quản lý nhà nước về kinh tế

3.3.2. Vận dụng công cụ quản lý nhà nước về kinh tế

### **Chương 4**

## **THÔNG TIN VÀ QUYẾT ĐỊNH QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KINH TẾ**

### **4.1. Thông tin trong quản lý Nhà nước về kinh tế**

4.1.1. Khái niệm, vai trò và yêu cầu của thông tin đối với quản lý Nhà nước về kinh tế

4.1.2. Hệ thống thông tin quản lý

4.1.3. Quy trình thực hiện của hệ thống thông tin quản lý Kinh tế nhà nước

### **4.2. Quyết định quản lý Nhà nước về kinh tế**

4.2.1. Khái niệm, yêu cầu, phân loại quyết định quản lý Nhà nước về kinh tế

4.2.2. Quy trình ra quyết định quản lý Nhà nước về kinh tế

4.2.3. Phương pháp và kỹ thuật ra quyết định quản lý Nhà nước về kinh tế

### **4.3. Văn bản quản lý nhà nước về kinh tế**

4.3.1. Khái niệm, chức năng, vai trò của văn bản quản lý Nhà nước về kinh tế

4.3.2. Các loại hình văn bản quản lý Nhà nước về kinh tế

4.3.3. văn bản quản lý Nhà nước về kinh tế ở Việt Nam

### **Chương 5**

## **BỘ MÁY QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KINH TẾ**



## **5.1. Những vấn đề chung về bộ máy quản lý Nhà nước về kinh tế**

5.1.1. Khái niệm và đặc điểm của bộ máy quản lý Nhà nước về kinh tế

5.1.2. Nguyên tắc tổ chức bộ máy quản lý Nhà nước về kinh tế

## **5.2. Hình thức tổ chức bộ máy quản lý Nhà nước về kinh tế**

5.2.1. Theo sự phân định quyền lực Nhà nước

5.2.2. Theo cấp bậc hành chính lãnh thổ

5.2.3. Theo chức năng quản lý nhà nước về kinh tế

## **5.3. Bộ máy quản lý Nhà nước về kinh tế ở Việt Nam**

5.3.1. Cấu trúc bộ máy quản lý Nhà nước về kinh tế ở Việt Nam

5.3.2. Đổi mới tổ chức bộ máy quản lý Nhà nước về kinh tế ở Việt Nam

## **Chương 6**

### **CÔNG CHỨC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KINH TẾ**

## **6.1. Những vấn đề chung về công chức quản lý Nhà nước về kinh tế**

6.1.1. Khái niệm, đặc điểm công chức quản lý Nhà nước về kinh tế

6.1.2. Vai trò, nhiệm vụ công chức quản lý Nhà nước về kinh tế

6.1.3. Tiêu chuẩn, phân loại công chức quản lý Nhà nước về kinh tế

## **6.2. Xây dựng đội ngũ công chức quản lý Nhà nước về kinh tế**

6.2.1. Quy hoạch đội ngũ công chức

6.2.2. Tuyển dụng công chức

6.2.3. Sử dụng công chức

6.2.4. Đào tạo và bồi dưỡng công chức

6.2.5. Đánh giá công chức

6.2.6. Đãi ngộ công chức

## **6.3. Công chức quản lý Nhà nước về kinh tế ở Việt Nam**

6.3.1. Hiện trạng đội ngũ công chức quản lý Nhà nước về kinh tế

6.3.2. Đổi mới công tác cán bộ công chức quản lý Nhà nước về kinh tế

## **Chương 7**

### **QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KINH TẾ TRONG BỐI CẢNH MỚI**

## **7.1. Xu thế mới ảnh hưởng đến Quản lý nhà nước về kinh tế**



7.1.1. Toàn cầu hoá và phân toàn cầu hoá

7.1.2. Cách mạng công nghiệp lần thứ tư

7.1.3. Sự hình thành nền kinh tế số và chính phủ số

## **7.2. Những yêu cầu mới đặt ra đối với quản lý nhà nước về kinh tế**

7.2.1. Điều chỉnh trong đối tượng quản lý

7.2.2. Điều chỉnh về phương pháp, công cụ quản lý

## **7.3. Đổi mới quản lý nhà nước về kinh tế ở Việt Nam**

7.3.1. Mục tiêu mới của quản lý nhà nước về kinh tế

7.3.2. Điều chỉnh các nội dung quản lý nhà nước về kinh tế ở Việt Nam

7.3.3. Vận dụng “Quản trị quốc gia tốt” trong QLNN về kinh tế ở Việt Nam

## **6. Học liệu**

### **6.1 Học liệu bắt buộc**

1. Phan Huy Đường, Phan Anh (2017). Giáo trình Quản lý nhà nước về kinh tế, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội

2. Đỗ Hoàng Toàn, Mai Văn Bưu (2017). Giáo trình Quản lý nhà nước về kinh tế, NXB Đại học Kinh tế quốc dân

3. Đinh Tuấn Minh và Phạm Thế Anh (2014) *Từ nhà nước điều hành sang nhà nước kiến tạo phát triển*, NXB Tri thức, Hà Nội.

### **6.2. Học liệu tham khảo**

4. Phí Mạnh Hồng (2015), *Vai trò của nhà nước trong thời đại kinh tế tri thức*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

5. Đinh Văn Ân và Lê Xuân Bá (2006). Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam, Nxb Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội.

6. Mariana Mazzucato (2018) *Nhà nước khởi tạo: Giải những huyền thoại về vai trò của nhà nước và khu vực tư nhân*. NXB Thế giới.

7. Think tank VINASA (2019), Việt Nam thời chuyển đổi số, NXB Thế Giới.



## 7. Hình thức tổ chức dạy học:

### 7.1 Lịch trình chung

Tuần	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học (giờ tín chỉ)		Tổng	Hình thức kiểm tra, đánh giá
		Lý thuyết	Hoạt động nhóm		
1	Chương 1	3	0	3	
2	Chương 1	2	1	3	
3	Chương 2	2	1	3	
4	Chương 2	2	1	3	
5	Chương 3	2	1	3	
6	Chương 3	2	1	3	Đánh giá hoạt động nhóm
7	Chương 4	2	1	3	
8	Chương 4	2	1	3	
9	Chương 5	2	1	3	
10	Chương 5	1	2	3	Kiểm tra giữa kỳ
11	Chương 6	2	1	3	
12	Chương 6	2	1	3	Đánh giá hoạt động nhóm
13	Chương 7	2	1	3	
14	Chương 7	3	0	3	
15	Chương 7	1	2	3	Đánh giá hoạt động nhóm
<b>Tổng</b>		<b>30</b>	<b>15</b>	<b>45</b>	



**Tuần 2**

**Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG CỦA QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KINH TẾ (tiếp)**

Hình thức tổ chức dạy học	Thời gian, địa điểm	Nội dung chính	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị	Yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng SV cần đạt được	Ghi chú
Lý thuyết (2 giờ TC)	GD	1.2.3. Khái niệm, mục tiêu, đối tượng, phạm vi QLNN về KT 1.2.4. Nội dung quản lý nhà nước về kinh tế <b>1.3. Đối tượng, phương pháp nghiên cứu quản lý nhà nước về kinh tế</b> 1.3.1. Đối tượng nghiên cứu 1.3.2. Phương pháp nghiên cứu	- Đọc tài liệu bắt buộc 1, tr10-19; - Đọc tài liệu bắt buộc 2, tr24-29 - Đọc tài liệu tham khảo 4, chương 1	Sinh viên đạt CDR kiến thức 1; kỹ năng 1,2	SV cần cập nhật thông tin từ các nguồn sách báo, mạng internet
Hoạt động nhóm (1giờ TC)	GD	- Cây mục tiêu trong QLNN về KT - Các nội dung của QLNN về KT	Hoạt động nhóm, phản biện cho các bài thảo luận của nhóm khác		
Hình thức kiểm tra, đánh giá	GD	Đánh giá qua thảo luận và trả lời câu hỏi		Sinh viên đạt CDR kiến thức 1; kỹ năng 1,2	
Tư vấn	Qua điện thoại, email.	Giải đáp các câu hỏi của SV	Gửi câu hỏi cho giảng viên qua email nếu có		



Tuần 3

Chương 2: CHỨC NĂNG VÀ NGUYÊN TẮC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KINH TẾ

Hình thức tổ chức dạy học	Thời gian, địa điểm	Nội dung chính	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị	Yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng SV cần đạt được	Ghi chú
Lý thuyết (2 giờ TC)	GD	<p><b>2.1. Quy luật kinh tế, cơ chế quản lý kinh tế và thể chế kinh tế</b></p> <p>2.1.1. Quy luật kinh tế</p> <p>2.1.2. Cơ chế quản lý kinh tế</p> <p>2.1.3. Thể chế kinh tế</p> <p><b>2.2. Chức năng quản lý Nhà nước về kinh tế</b></p> <p>2.2.1. Khái niệm và phân loại chức năng quản lý Nhà nước về kinh tế</p> <p>2.2.2. Nội dung chức năng QLNN về KT</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc tài liệu bắt buộc 1, tr10-19;</li> <li>- Đọc tài liệu bắt buộc 2, tr24-29</li> <li>- Đọc tài liệu tham khảo 6 (chương về thể chế kinh tế thị trường)</li> </ul>	Sinh viên đạt CDR kiến thức 1; kỹ năng 1,2	SV cần cập nhật thông tin từ các nguồn sách báo, mạng internet
Hoạt động nhóm (1 giờ TC)	GD	- Thể chế kinh tế thị trường ở Việt Nam	Hoạt động nhóm, phản biện cho các bài thảo luận của nhóm khác		
Hình thức kiểm tra, đánh giá	GD	Đánh giá qua thảo luận và trả lời câu hỏi		Sinh viên đạt CDR kiến thức 1; kỹ năng 1,2	
Tư vấn	Qua điện thoại, email.	Giải đáp các câu hỏi của SV	Gửi câu hỏi cho giảng viên qua email nếu có		



**Tuần 4**

**Chương 2: CHỨC NĂNG VÀ NGUYÊN TẮC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KINH TẾ (tiếp)**

Hình thức tổ chức dạy học	Thời gian, địa điểm	Nội dung chính	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị	Yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng SV cần đạt được	Ghi chú
Lý thuyết (2 giờ tín chỉ)	GD	<p><b>2.3. Các nguyên tắc quản lý Nhà nước về kinh tế</b></p> <p>2.3.1. Khái niệm và yêu cầu của nguyên tắc quản lý</p> <p>2.3.2. Các nguyên tắc quản lý nhà nước về kinh tế</p> <p><b>2.4. Thực hiện chức năng và nguyên tắc quản lý nhà nước về kinh tế ở Việt Nam</b></p> <p>2.4.1. Thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về kinh tế</p> <p>2.4.3. Thực hiện các nguyên tắc quản lý Nhà nước về kinh tế</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc tài liệu bắt buộc 1, tr62-77</li> <li>- Đọc tài liệu bắt buộc 2 chương 2</li> <li>- Đọc các tài liệu tham khảo 4, 5</li> <li>- Chuẩn bị các câu hỏi liên quan đến bài học</li> </ul>	Sinh viên đạt CDR kiến thức 1,2; kỹ năng 1,2	SV cần cập nhật thông tin từ các nguồn sách báo, mạng internet
Hoạt động nhóm (1 giờ TC)	GD	- Phân tích trường hợp minh họa cho việc thực hiện chức năng hoạch định trong QLNN về KT ở VN hiện nay?	Hoạt động nhóm, phản biện cho các bài thảo luận của nhóm khác	Sinh viên đạt kiến thức 1,2; kỹ năng 1,2	
Hình thức kiểm tra, đánh giá	GD	Đánh giá qua thảo luận và trả lời câu hỏi			
Tư vấn	Qua điện thoại, email.	Giải đáp các câu hỏi của SV	Gửi câu hỏi cho giảng viên qua email nếu có		

**Tuần 5**

**Chương 3. PHƯƠNG PHÁP VÀ CÔNG CỤ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KINH TẾ**

Hình thức tổ chức dạy học	Thời gian, địa điểm	Nội dung chính	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị	Yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng SV cần đạt được	Ghi chú
Lý thuyết (2 giờ TC)	GD	<p><b>3.1. Phương pháp quản lý Nhà nước về kinh tế</b></p> <p>3.1.1. Khái niệm, đặc điểm, phân loại phương pháp quản lý Nhà nước về kinh tế</p> <p>3.1.2. Một số phương pháp quản lý Nhà nước về kinh tế theo nội dung tác động</p> <p>3.1.3. Phối hợp các phương pháp quản lý Nhà nước về kinh tế</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc tài liệu bắt buộc 1, tr. 90 – 98</li> <li>- Đọc tài liệu bắt buộc 2, chương Phương pháp quản lý</li> <li>- Đọc các tài liệu tham khảo 4, 5</li> <li>- Chuẩn bị các câu hỏi liên quan đến bài học</li> </ul>	Sinh viên đạt kiến thức 1,2; kỹ năng 1,2	SV cần cập nhật thông tin từ các nguồn sách báo, mạng internet
Hoạt động nhóm (1 giờ TC)	GD	- Phân tích cơ sở khách quan, yêu cầu và hiện trạng thực hiện một nguyên tắc QLNN về KT ở Việt Nam hiện nay?	Hoạt động nhóm, trình bày, phản biện cho các bài thảo luận của nhóm khác	Sinh viên đạt CĐR kiến thức 1,2; kỹ năng 1,2	
Hình thức kiểm tra, đánh giá	GD	Đánh giá qua thảo luận và trả lời câu hỏi Hướng dẫn và giao bài tập cá nhân/ tuần			
Tư vấn	Qua điện thoại, email.	Giải đáp các câu hỏi của SV	Gửi câu hỏi cho giảng viên qua email nếu có		



**Tuần 6**

**Chương 3: PHƯƠNG PHÁP VÀ CÔNG CỤ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KINH TẾ (tiếp)**

Hình thức tổ chức dạy học	Thời gian, địa điểm	Nội dung chính	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị	Yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng SV cần đạt được	Ghi chú
Lý thuyết (2 giờ TC)	GD	<p><b>3.2. Công cụ quản lý Nhà nước về kinh tế</b></p> <p>3.2.1. Khái niệm, đặc điểm công cụ quản lý Nhà nước về kinh tế</p> <p>3.2.2. Một số công cụ quản lý Nhà nước về kinh tế cơ bản</p> <p><b>3.3. Vận dụng phương pháp và công cụ quản lý nhà nước về kinh tế ở Việt Nam</b></p> <p>3.3.1. Vận dụng phương pháp quản lý nhà nước về kinh tế</p> <p>3.3.2. Vận dụng công cụ QLNN về KT</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc tài liệu bắt buộc 1, tr.100 – 105</li> <li>- Đọc tài liệu bắt buộc 2, tr.59-69</li> <li>- Đọc tài liệu các tài liệu tham khảo</li> <li>- Chuẩn bị các câu hỏi liên quan đến bài học</li> </ul>	Sinh viên đạt CDR kiến thức 1,2, 3; kỹ năng 1,2	SV cần cập nhật thông tin từ các nguồn sách báo, mạng internet
Hoạt động nhóm (1 giờ TC)	GD	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phân tích bản chất tác động, ưu, nhược điểm của phương pháp hành chính trong QLNN về kinh tế?</li> <li>- Chỉ ra sự khác biệt trong việc sử dụng phương pháp hành chính trong QLNN về KT trước và sau khi Đổi mới ở Việt Nam?</li> </ul>	Hoạt động nhóm, trình bày, phản biện cho các bài thảo luận của nhóm khác	Sinh viên đạt kiến thức 1,2; kỹ năng 1,2	
Hình thức kiểm tra, đánh giá	GD	Đánh giá qua thảo luận và trả lời câu hỏi Hướng dẫn và giao bài tập cá nhân/ tuần			
Tư vấn	Qua điện thoại, email.	Giải đáp các câu hỏi của SV	Gửi câu hỏi cho giảng viên qua email nếu có		

Tuần 7

Chương 4: THÔNG TIN VÀ QUYẾT ĐỊNH QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KINH TẾ

Hình thức tổ chức dạy học	Thời gian, địa điểm	Nội dung chính	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị	Yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng SV cần đạt được	Ghi chú
Lý thuyết (2 giờ tín chỉ)	GD	<p><b>4.1. Thông tin trong quản lý Nhà nước về kinh tế</b></p> <p>4.1.1. Khái niệm, vai trò và yêu cầu của thông tin đối với QLNN về KT</p> <p>4.1.2. Hệ thống thông tin quản lý</p> <p>4.1.3. Quy trình thực hiện của hệ thống thông tin quản lý Kinh tế nhà nước</p> <p><b>4.2. Quyết định QLNN về KT</b></p> <p>4.2.1. Khái niệm, yêu cầu, phân loại quyết định quản lý Nhà nước về kinh tế</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc tài liệu bắt buộc 1, tr.105 – 135</li> <li>- Đọc tài liệu bắt buộc 2, tr.72-96</li> <li>- Đọc tài liệu bắt buộc 3 và các tài liệu tham khảo</li> <li>- Chuẩn bị các câu hỏi liên quan đến bài học</li> </ul>	Sinh viên đạt CDR kiến thức 1,2, 3; kỹ năng 1,2	SV cần cập nhật thông tin từ các nguồn sách báo, mạng internet
Hoạt động nhóm (1 giờ TC)	GD	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phân tích bản chất tác động, ưu, nhược điểm của phương pháp kinh tế trong QLNN về kinh tế?</li> <li>- Chỉ ra sự khác biệt trong việc sử dụng phương pháp KT trong QLNN về KT trước và sau khi Đổi mới ở Việt Nam?</li> </ul>	Hoạt động nhóm, trình bày, phản biện cho các bài thảo luận của nhóm khác	Sinh viên đạt CDR kiến thức 1,2; kỹ năng 1,2	
Hình thức kiểm tra, đánh giá	GD	Đánh giá qua thảo luận và trả lời câu hỏi Hướng dẫn và giao bài tập cá nhân/ tuần			
Tư vấn	Qua điện thoại, email.	Giải đáp các câu hỏi của SV	Gửi câu hỏi cho giảng viên qua email nếu có		



**Tuần 8**

**Chương 4: THÔNG TIN VÀ QUYẾT ĐỊNH QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KINH TẾ (tiếp)**

Hình thức tổ chức dạy học	Thời gian, địa điểm	Nội dung chính	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị	Yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng SV cần đạt được	Ghi chú
Lý thuyết (2 giờ tín chỉ)	GD	4.2.2. Quy trình ra quyết định quản lý Nhà nước về kinh tế 4.2.3. Phương pháp và kỹ thuật ra quyết định quản lý Nhà nước về kinh tế <b>4.3. Văn bản quản lý nhà nước về kinh tế</b> 4.3.1. Khái niệm, chức năng, vai trò của văn bản quản lý Nhà nước về kinh tế 4.3.2. Các loại hình văn bản QLNN về KT 4.3.3. Văn bản QLNN về KT ở Việt Nam	- Đọc tài liệu bắt buộc 1, tr137 – 142; - Đọc tài liệu bắt buộc 2, tr126– 143; - Chuẩn bị các câu hỏi liên quan đến bài học	Sinh viên đạt kiến thức 1,2; kỹ năng 1,2	SV cần cập nhật thông tin từ các nguồn sách báo, mạng internet
Hoạt động nhóm (1 giờ TC)	GD	- Phân tích tình huống về việc sử dụng các công cụ QLNN về KT ở Việt Nam hiện nay?	Hoạt động nhóm, trình bày, phản biện cho các bài thảo luận của nhóm khác	Sinh viên đạt kiến thức 1,2; kỹ năng 1,2	
Hình thức kiểm tra, đánh giá	GD	Đánh giá qua thảo luận và trả lời câu hỏi Hướng dẫn và giao bài tập cá nhân/ tuần			
Tư vấn	Qua điện thoại, email.	Giải đáp các câu hỏi của SV	Gửi câu hỏi cho giảng viên qua email nếu có		

**Tuần 9**

**Chương 5: BỘ MÁY QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KINH TẾ**

Hình thức tổ chức dạy học	Thời gian, địa điểm	Nội dung chính	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị	Yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng SV cần đạt được	Ghi chú
Lý thuyết (2 giờ tín chỉ)	GD	<p><b>5.1. Những vấn đề chung về bộ máy QLNN về KT</b></p> <p>5.1.1. Khái niệm và đặc điểm</p> <p>5.1.2. Nguyên tắc tổ chức bộ máy quản lý Nhà nước về kinh tế</p> <p><b>5.2. Hình thức tổ chức bộ máy QLNN về KT</b></p> <p>5.2.1. Theo sự phân định quyền lực Nhà nước</p> <p>5.2.2. Theo cấp bậc hành chính lãnh thổ</p> <p>5.2.3. Theo chức năng quản lý nhà nước về kinh tế</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc tài liệu bắt buộc 1, tr142 – 157;</li> <li>- Đọc tài liệu bắt buộc 2, tr99– 126;</li> <li>- Chuẩn bị các câu hỏi liên quan đến bài học</li> </ul>	Sinh viên đạt CDR kiến thức 1,2; kỹ năng 1,2	SV cần cập nhật thông tin từ các nguồn sách báo, mạng internet
Hoạt động nhóm (1giờ TC)	GD	Vai trò của thông tin và quyết định trong QLNN về kinh tế? Phân tích tình huống ra quyết định QLNN về KT ở Việt Nam.	Hoạt động nhóm, trình bày, phản biện cho các bài thảo luận của nhóm khác	Sinh viên đạt kiến thức 1,2; kỹ năng 1,2	
Hình thức kiểm tra, đánh giá	GD	Đánh giá qua thảo luận và trả lời câu hỏi Hướng dẫn và giao bài tập cá nhân/ tuần			
Tư vấn	Qua điện thoại, email.	Giải đáp các câu hỏi của SV	Gửi câu hỏi cho giảng viên qua email nếu có		



**Tuần 10****Chương 5: BỘ MÁY QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KINH TẾ (tiếp)**

Hình thức tổ chức dạy học	Thời gian, địa điểm	Nội dung chính	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị	Yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng SV cần đạt được	Ghi chú
Lý thuyết (1 giờ tín chỉ)	GD	<b>5.3. Bộ máy quản lý Nhà nước về kinh tế ở Việt Nam</b>  5.3.1. Cấu trúc bộ máy quản lý Nhà nước về kinh tế ở Việt Nam  5.3.2. Đổi mới tổ chức bộ máy quản lý Nhà nước về kinh tế ở Việt Nam	- Đọc tài liệu bắt buộc 1, tr142 – 157; - Đọc tài liệu bắt buộc 2, tr99– 126; - Đọc tài liệu tham khảo 8 - Chuẩn bị các câu hỏi liên quan đến bài học	Sinh viên đạt CDR kiến thức 1,2; kỹ năng 1,2	SV cần cập nhật thông tin từ các nguồn sách báo, mạng internet
Hoạt động nhóm và kiểm tra giữa kỳ (2giờ TC)	GD	Hướng dẫn và giao bài tập cá nhân, Kiểm tra giữa kỳ	Ôn tập chương 1-4		
Tư vấn	Qua điện thoại, email.	Giải đáp các câu hỏi của SV	Gửi câu hỏi cho giảng viên qua email nếu có		

**Tuần 11**

**Chương 6: CÔNG CHỨC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KINH TẾ**

Hình thức tổ chức dạy học	Thời gian, địa điểm	Nội dung chính	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị	Yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng SV cần đạt được	Ghi chú
Lý thuyết (2 giờ tín chỉ)	GD	<p><b>6.1. Những vấn đề chung về công chức quản lý Nhà nước về kinh tế</b></p> <p>6.1.1. Khái niệm, đặc điểm công chức quản lý Nhà nước về kinh tế</p> <p>6.1.2. Vai trò, nhiệm vụ công chức quản lý Nhà nước về kinh tế</p> <p>6.1.3. Tiêu chuẩn, phân loại công chức quản lý Nhà nước về kinh tế</p> <p><b>6.2. Xây dựng đội ngũ công chức quản lý Nhà nước về kinh tế</b></p> <p>6.2.1. Quy hoạch đội ngũ công chức</p> <p>6.2.2. Tuyển dụng công chức</p> <p>6.2.3. Sử dụng công chức</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc tài liệu bắt buộc 1, tr157 – 164;</li> <li>- Đọc tài liệu bắt buộc 2, tr225-244;</li> <li>- Đọc tài liệu tham khảo 8</li> <li>- Chuẩn bị các câu hỏi liên quan đến bài học</li> </ul>	Sinh viên đạt CDR kiến thức 1,2,3; kỹ năng 1,2	SV cần cập nhật thông tin từ các nguồn sách báo, mạng internet
Hoạt động nhóm (1giờ TC)	GD	<p>Phân tích vai trò của công chức trong hoạt động QLNN về KT?</p> <p>Hiện trạng qui hoạch đội ngũ công chức QLNN về KT ở Việt Nam?</p>	Hoạt động nhóm, trình bày, phản biện cho các bài thảo luận của nhóm khác	Sinh viên đạt CDR kiến thức 1,2,3; kỹ năng 1,2	
Hình thức kiểm tra, đánh giá	GD	Đánh giá qua thảo luận và trả lời câu hỏi Hướng dẫn và giao bài tập cá nhân/ tuần			
Tư vấn	Qua điện thoại, email.	Giải đáp các câu hỏi của SV	Gửi câu hỏi cho giảng viên qua email nếu có		



**Tuần 12**

**Chương 6: CÔNG CHỨC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KINH TẾ (tiếp)**

Hình thức tổ chức dạy học	Thời gian, địa điểm	Nội dung chính	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị	Yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng SV cần đạt được	Ghi chú
Lý thuyết (2 giờ tín chỉ)	GD	6.2.4. Đào tạo và bồi dưỡng công chức 6.2.5. Đánh giá công chức 6.2.6. Đãi ngộ công chức <b>6.3. Công chức quản lý Nhà nước về kinh tế ở Việt Nam</b> 6.3.1. Hiện trạng đội ngũ công chức quản lý Nhà nước về kinh tế 6.3.2. Đổi mới công tác cán bộ công chức quản lý Nhà nước về kinh tế	- Đọc tài liệu bắt buộc 1, tr164-173; - Đọc tài liệu bắt buộc 1, tr225-244 - Đọc tài liệu tham khảo 8 - Chuẩn bị các câu hỏi liên quan đến bài học	Sinh viên đạt CDR kiến thức 1,2,3; kỹ năng 1,2	SV cần cập nhật thông tin từ các nguồn sách báo, mạng internet
Hoạt động nhóm (1 giờ TC)	GD	Hiện trạng đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, đãi ngộ công chức QLNN về KT ở Việt Nam? Vai trò của Công chức QLNN về KT trong bối cảnh mới?	Hoạt động nhóm, trình bày, phản biện cho các bài thảo luận của nhóm khác	Sinh viên đạt CDR kiến thức 1,2,3; kỹ năng 1,2	
Hình thức kiểm tra, đánh giá	GD	Đánh giá qua thảo luận và trả lời câu hỏi Hướng dẫn và giao bài tập cá nhân/ tuần			
Tư vấn	Qua điện thoại, email.	Giải đáp các câu hỏi của SV	Gửi câu hỏi cho giảng viên qua email nếu có		

**Tuần 13**

**Chương 7: QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KINH TẾ TRONG BỐI CẢNH MỚI**

Hình thức tổ chức dạy học	Thời gian, địa điểm	Nội dung chính	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị	Yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng SV cần đạt được	Ghi chú
Lý thuyết (2 giờ tín chỉ)	GĐ	<p><b>7.1. Xu thế mới ảnh hưởng đến Quản lý nhà nước về kinh tế</b></p> <p>7.1.1. Toàn cầu hoá và phản toàn cầu hoá</p> <p>7.1.2. Cách mạng công nghiệp lần thứ tư</p> <p>7.1.3. Sự hình thành nền kinh tế số và chính phủ số</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc tài liệu bắt buộc 3;</li> <li>- Đọc các tài liệu tham khảo 4, 6, 7</li> <li>- Chuẩn bị các câu hỏi liên quan đến bài học</li> </ul>	Sinh viên đạt CDR kiến thức 1,2,3; kỹ năng 1,2	SV cần cập nhật thông tin từ các nguồn sách báo, mạng internet
Hoạt động nhóm (1 giờ TC)	GĐ	Phân tích tình huống: những vấn đề quản lý nhà nước về kinh tế nảy sinh dưới tác động của toàn cầu hoá?	Hoạt động nhóm, trình bày, phản biện cho các bài thảo luận của nhóm khác	Sinh viên đạt CDR kiến thức 1,2,3; kỹ năng 1.2	
Hình thức kiểm tra, đánh giá		Đánh giá qua thảo luận và trả lời câu hỏi Hướng dẫn và giao bài tập cá nhân/ tuần			
Tư vấn	Qua điện thoại, email.	Giải đáp các câu hỏi của SV	Gửi câu hỏi cho giảng viên qua email nếu có		



**Tuần 14**

**Chương 7: QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KINH TẾ TRONG BỐI CẢNH MỚI (tiếp)**

Hình thức tổ chức dạy học	Thời gian, địa điểm	Nội dung chính	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị	Yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng SV cần đạt được	Ghi chú
Lý thuyết (3 giờ tín chỉ)	GD	<p><b>7.2. Những yêu cầu mới đặt ra đối với quản lý nhà nước về kinh tế</b></p> <p>7.2.1. Điều chỉnh trong đối tượng quản lý</p> <p>7.2.2. Điều chỉnh về phương pháp, công cụ quản lý</p> <p><b>7.3. Đổi mới quản lý nhà nước về kinh tế ở Việt Nam</b></p> <p>7.3.1. Mục tiêu mới của quản lý nhà nước về kinh tế</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc tài liệu bắt buộc 3;</li> <li>- Đọc các tài liệu tham khảo 4, 6, 7</li> <li>- Chuẩn bị các câu hỏi liên quan đến bài học</li> </ul>	Sinh viên đạt kiến thức 1,2,3; kỹ năng 1,2	SV cần cập nhật thông tin từ các nguồn sách báo, mạng internet
Hình thức kiểm tra, đánh giá	GD	Đánh giá qua thảo luận và trả lời câu hỏi			
Tư vấn	Qua điện thoại, email.	Giải đáp các câu hỏi của SV	Gửi câu hỏi cho giảng viên qua email nếu có		

**Tuần 15**

**Chương 7: QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KINH TẾ TRONG BỐI CẢNH MỚI (tiếp)**

Hình thức tổ chức dạy học	Thời gian, địa điểm	Nội dung chính	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị	Yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng SV cần đạt được	Ghi chú
Lý thuyết (1 giờ tín chỉ)	GĐ	7.3.2. Điều chỉnh các nội dung quản lý nhà nước về kinh tế ở Việt Nam 7.3.3. Vận dụng “Quản trị quốc gia tốt” trong QLNN về kinh tế ở Việt Nam Hệ thống hoá kết thúc học phần	- Đọc tài liệu bắt buộc 3; - Đọc các tài liệu tham khảo 4, 6, 7 - Chuẩn bị các câu hỏi liên quan đến bài học	Sinh viên đạt kiến thức 1,2,3; kỹ năng 1,2	SV cần cập nhật thông tin từ các nguồn sách báo, mạng internet
Hoạt động nhóm (2 giờ TC)	GĐ	Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và sự xuất hiện nền kinh tế số: những cơ hội và thách thức mới cho QLNN về KT ở Việt Nam	Hoạt động nhóm, trình bày, phản biện cho các bài thảo luận của nhóm khác	Sinh viên đạt kiến thức 1,2,3; kỹ năng 1,2	Hướng dẫn ôn tập
Hình thức kiểm tra, đánh giá	GĐ	Đánh giá qua thảo luận và trả lời câu hỏi Công bố điểm thành phần			
Tư vấn	Qua điện thoại, email.	Giải đáp các câu hỏi của SV	Gửi câu hỏi cho giảng viên qua email nếu có		



## 8. Chính sách đối với học phần và các yêu cầu khác của giảng viên

*Các yêu cầu đối với học phần:* Việc học tập của người học phải được thực hiện theo đúng lịch trình và người học phải thường xuyên ôn tập các kiến thức đã học được và đọc các tài liệu tham khảo.

*Các hình thức học tập của người học*

- Nghe giảng kết hợp ghi chép, đọc các học liệu theo tiến trình học phần
- Tham gia thảo luận ở nhóm và ở trên lớp
- Làm bài tập theo lịch trình học phần
- Viết báo cáo kết quả nghiên cứu nhóm và báo cáo thu hoạch/bài tập
- Làm bài kiểm tra
- Tự học thông qua tài học liệu bắt buộc, học liệu tham khảo, qua báo đài, internet

*Yêu cầu đối với người học trong các hình thức học tập*

- Hoàn thành các công việc ở nhà được giảng viên giao: đọc giáo trình, bài giảng, chuẩn bị các câu hỏi thảo luận, viết tiểu luận...
- Tích cực tham gia thảo luận.
- Người học chỉ được dự thi hết học phần khi tham gia học tập trên lớp theo đúng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, của ĐHQGHN và trường Đại học Kinh tế.

## 9. Phương pháp, hình thức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học phần

### 9.1. Mục đích và trọng số kiểm tra - đánh giá

Hình thức	Tính chất của nội dung kiểm tra	Mục đích kiểm tra	Trọng số
Điểm danh và đánh giá cá nhân dựa vào thái độ học tập	Thường xuyên trong từng buổi học, đánh giá sự tham gia của từng cá nhân vào bài học	Đánh giá thái độ học tập đối với học phần và sự chuẩn bị bài trước khi đến lớp	10%
Thảo luận nhóm và thuyết trình (Trình bày trước lớp và nộp báo cáo nhóm - 1 bài)	Vấn đề cơ bản kết hợp liên hệ thực tiễn	Đánh giá kỹ năng làm việc nhóm. Đánh giá khả năng thu thập, xử lý tài liệu hoàn thành bài theo chủ đề. Đánh giá khả năng trình bày nói và viết, trả lời câu hỏi Đánh giá mức độ hiểu và vận dụng kiến thức của học phần.	15%
Kiểm tra giữa kỳ (Kiểm tra viết tại	Vấn đề cơ bản kết hợp liên hệ thực tiễn về nội	Đánh giá người học đạt được bao nhiêu phần trăm mục tiêu	15%

Hình thức	Tính chất của nội dung kiểm tra	Mục đích kiểm tra	Trọng số
lớp - 1 bài)	dung chương 1-4	về kiến thức, chủ yếu mức 1, mức 2	
Thi hết học phần (Thi viết)	Vấn đề tổng hợp, liên hệ thực tiễn về toàn bộ nội dung học phần	Đánh giá kiến thức, kỹ năng tổng hợp của người học đạt được bao nhiêu phần trăm mục tiêu của học phần ở cả bốn cấp độ 1, 2 và 3	60%
<b>Tổng cộng</b>			<b>100%</b>

## 9.2. Tiêu chí đánh giá các loại bài tập và kiểm tra đánh giá

### 9.2.1. Chuyên cần: 10%

Các tiêu chí đánh giá:

+ Học viên đi học đầy đủ 15 buổi sẽ đạt được điểm tối đa của tiêu chí chuyên cần. Mỗi buổi nghỉ học trừ 1 điểm.

+ Hiểu và giải thích được các nội dung cơ bản của từng chương.

+ Giảng viên đưa ra các câu hỏi, các tình huống và vấn đề thực tiễn để kiểm tra mức độ thu nhập kiến thức và rèn kỹ năng của người học.

### 9.2.2. Bài tập thảo luận nhóm (15%)

Loại bài tập này được các nhóm thực hiện trước tại nhà theo sự hướng dẫn của giảng viên. Giảng viên chỉ định người đại diện trình bày trên lớp.

Bài tập nhóm được đánh giá thông qua chất lượng báo cáo kết quả nghiên cứu (bài thu hoạch nhóm, 4 điểm), sự trình bày của đại diện nhóm tại lớp và các ý kiến tham gia thảo luận (6 điểm);

\* Tiêu chí đánh giá phần trình bày tại lớp

+ Chuẩn bị slides trình bày, nội dung trình bày đúng với chủ đề được giao, logic và đầy đủ.

+ Trình bày rõ ràng trong khung thời gian quy định

+ Trả lời tốt các câu hỏi phản biện của giảng viên và những người tham dự

\* Tiêu chí đánh giá phần bài viết thu hoạch

Bài viết được đánh giá thông qua kết cấu, nội dung chủ đề nghiên cứu, cách trình bày, cách lập luận, vấn đề phát hiện, đóng góp và gợi ý của bài nghiên cứu. Đảm bảo văn phong khoa học, trích dẫn rõ ràng, đúng quy chuẩn.

### 9.2.3. Bài kiểm tra giữa kỳ (15%)

Người học sẽ làm bài kiểm tra bằng hình thức tự luận trên lớp. Tiêu chí đánh giá:

+ Tiêu chí 1: Hiểu và giải thích được các khái niệm, đặc điểm, mục tiêu, nguyên tắc quản lý (4 điểm).



+ Tiêu chí 2: Xác định đúng và trình bày được nội dung và công cụ sử dụng trong quản lý nhà nước về kinh tế (6 điểm).

**9.2.4. Bài thi cuối kỳ (60%):** Tiêu chí đánh giá đối với bài thi hết học phần như sau:

**Tiêu chí 1:** (CDR kiến thức mức 1) 3 điểm

- Nhớ được những khái niệm cơ bản về nhà nước, quản lý nhà nước, QLNN về KT.
- Nhận biết được mục tiêu, đối tượng, phạm vi và các nội dung QLNN về KT.
- Phân loại được chức năng, phương pháp QLNN về KT theo các tiêu chí đã xác định.

**Tiêu chí 2:** (CDR kiến thức mức 2) 4 điểm

- Phân tích được các phương pháp, công cụ cơ bản của quản lý nhà nước về kinh tế.
- Phân tích được vai trò của thông tin và nguyên tắc, qui trình ra quyết định trong QLNN về KT.
- Chỉ ra được sự khác biệt về bản chất và cách tiếp cận trong nguyên tắc và chức năng quản lý của QLNN về KT và quản lý của các đơn vị kinh tế cơ sở.

**Tiêu chí 3:** (CDR kiến thức mức 3) 3 điểm

- Phân tích được tình hình thực hiện nguyên tắc, chức năng, phương pháp, công cụ QLNN về KT ở Việt Nam
- Đánh giá được hiện trạng hệ thống cơ quan quản lý và đội ngũ công chức QLNN về KT ở Việt Nam theo ngành, lĩnh vực và các cấp hành chính;
- Phân tích được tác động của bối cảnh mới và các vấn đề đặt ra đối với QLNN về KT ở Việt Nam từ đó đề xuất được một số khuyến nghị cơ bản nâng cao hiệu lực, hiệu quả QLNN về KT

**Thang điểm như sau:**

Điểm	Tiêu chí
9 – 10	Đạt cả 3 tiêu chí
7 – 8	- Đạt 2 tiêu chí đầu. - Tiêu chí 3: còn mắc một số lỗi nhỏ
5 – 6	Đạt tiêu chí 1, tiêu chí 2 mắc lỗi nhỏ
Dưới 5	Không đạt cả 3 tiêu chí

**9.3 Lịch thi, kiểm tra:**

Bài thảo luận, bài kiểm tra giữa kỳ: Theo đề cương học phần

Thi cuối kỳ: Theo kế hoạch đào tạo của nhà trường.

Giảng viên

PGS.TS. Phạm Thị Hồng Điệp

Chủ nhiệm bộ môn

PGS.TS. Phạm Thị Hồng Điệp

Chủ nhiệm khoa

Phê duyệt

PGS.TS. Trần Đức Hiệp

PGS. TS. Nguyễn Trúc Lê

## BẢN ĐẶC TẢ HỌC PHẦN

1. Mã học phần: PEC 2002
2. Tên học phần: Quản lý nhà nước về kinh tế
3. Ngôn ngữ giảng dạy: tiếng Việt
4. Số tín chỉ: 03
5. Giảng viên: PGS.TS. Phạm Thị Hồng Điệp, TS. Hoàng Thị Hương, TS. Nguyễn Thị Hương Lan, TS. Phạm Ngọc Hương Quỳnh, TS. Nguyễn Đức Bảo
6. Mục tiêu học phần:

\* Kiến thức

<i>Trình độ đạt được của sinh viên</i>	<i>Trình độ tương ứng theo thang bậc nhận thức của Bloom</i>	<i>Năng lực/trình độ đạt được của sinh viên sau khóa học</i>
<i>Mức 1 (Có khả năng tái hiện)</i>	<i>Mức 1 (Nhớ)</i>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhớ và trình bày được những khái niệm cơ bản về nhà nước, quản lý nhà nước, quản lý nhà nước về kinh tế.</li> <li>- Nhận biết được mục tiêu, đối tượng, phạm vi và các nội dung quản lý nhà nước về kinh tế.</li> <li>- Phân loại được chức năng, phương pháp quản lý nhà nước về kinh tế theo các tiêu chí đã xác định.</li> <li>- Tái hiện được các hình thức bộ máy quản lý và các bước xây dựng đội ngũ công chức QLNN về kinh tế</li> </ul>
<i>Mức 2 (Có khả năng tái tạo)</i>	<i>Mức 2 &amp; 3 (Hiểu và áp dụng)</i>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phân tích được các phương pháp, công cụ cơ bản của quản lý nhà nước về kinh tế.</li> <li>- Phân tích được vai trò của thông tin và nguyên tắc, qui trình ra quyết định trong QLNN về kinh tế.</li> <li>- Chỉ ra được sự khác biệt về bản chất và cách tiếp cận trong nguyên tắc và chức năng quản lý của quản lý nhà nước về kinh tế và quản lý của các đơn vị kinh tế cơ sở.</li> </ul>
<i>Mức 3 (Có khả năng lập luận)</i>	<i>Mức 4 &amp; 5 (Phân tích và đánh giá)</i>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phân tích được tình hình thực hiện nguyên tắc, chức năng, phương pháp, công cụ QLNN về KT ở Việt Nam</li> <li>- Đánh giá được hiện trạng hệ thống cơ quan quản lý và đội ngũ công chức QLNN về KT ở Việt Nam theo ngành, lĩnh vực và các cấp hành chính;</li> <li>- Phân tích được tác động của bối cảnh mới và các vấn đề đặt ra đối với quản lý nhà nước về kinh tế ở Việt Nam từ đó đề xuất được một số khuyến nghị cơ bản nâng cao hiệu lực, hiệu quả về quản lý nhà nước về kinh tế</li> </ul>



*\* Kỹ năng*

*Kỹ năng chuyên môn*

- Có kỹ năng phân tích, nhận diện đúng, đánh giá được các vấn đề liên quan tới quản lý nhà nước về kinh tế.

- Có kỹ năng thuyết phục (bằng lời nói, bằng văn bản, thuyết trình, nêu vấn đề, xử lý tình huống...) một vấn đề khoa học về chủ đề quản lý nhà nước trong lĩnh vực kinh tế, thuộc chuyên ngành quản lý kinh tế.

*Kỹ năng hỗ trợ*

- Có khả năng vận dụng các kiến thức về quản lý kinh tế để phân tích, giải quyết các vấn đề cụ thể nảy sinh trong hoạt động thực tiễn.

Có khả năng lập kế hoạch, thuyết trình, làm việc nhóm; biết lắng nghe và tôn trọng ý kiến người khác, trợ giúp lẫn nhau trong công việc và nghiên cứu.

*\* Phẩm chất đạo đức*

- Có ý thức phát huy trách nhiệm cá nhân trong việc tham gia các hoạt động quản lý kinh tế - xã hội trong những điều kiện hoàn cảnh khác nhau

- Có hành vi và lời nói chuẩn mực; kiên định và trung thực, tự chủ và sáng tạo trong xử lý tình huống; biết lắng nghe và phản biện.

7. Giới thiệu chung về học phần:

Học phần Quản lý nhà nước về kinh tế trang bị cho người học kiến thức cơ bản, có hệ thống trong quản lý nhà nước về kinh tế. Trên cơ sở những vấn đề lý thuyết chung về quản lý nhà nước, tính tất yếu khách quan của QLNN về kinh tế và mục tiêu, đối tượng, phạm vi, nội dung của QLNN về KT, học phần đề cập đến các khía cạnh cụ thể hơn như chức năng, nguyên tắc, phương pháp, công cụ QLNN về kinh tế; thông tin và quyết định trong QLNN về KT; bộ máy quản lý và công chức QLNN về kinh tế. Ở mỗi khía cạnh cụ thể, người học được tiếp cận với những nội dung lý thuyết, đồng thời xem xét những biểu hiện thực tiễn của nội dung đó trong QLNN về KT ở Việt Nam gắn với các tình huống nghiên cứu. Học phần đồng thời cung cấp thông tin và gợi mở việc phân tích các vấn đề đặt ra cho QLNN về KT ở Việt Nam trong bối cảnh mới của hội nhập quốc tế, cách mạng công nghiệp lần thứ tư và xu thế hình thành nền kinh tế số.

8. Số giờ lên lớp/tuần: 3 giờ TC

9. Phương pháp giảng dạy: Kết hợp thuyết trình, nêu vấn đề, hoạt động nhóm, thảo luận...

10. Phương pháp kiểm tra đánh giá: đánh giá khách quan, toàn diện khả năng nhận thức và vận dụng kiến thức của Học phần.

11. Giáo trình bắt buộc (tác giả, tên sách, năm xuất bản):

11.1. Phan Huy Đường, Phan Anh (2017). Giáo trình Quản lý nhà nước về kinh tế, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội

11.2. Đỗ Hoàng Toàn, Mai Văn Bru (2017). Giáo trình Quản lý nhà nước về kinh tế, NXB Đại học Kinh tế quốc dân

11.3. Đinh Tuấn Minh và Phạm Thế Anh (2014) *Từ nhà nước điều hành sang nhà nước kiến tạo phát triển*, NXB Tri thức, Hà Nội

12. Yêu cầu tiên quyết: Không

13. Liên hệ: Văn phòng Khoa Kinh tế Chính trị, phòng 100, nhà E1, 144 – Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội. Tel: (04) 37 547 596 – 100.

14. Thuộc chương trình đào tạo: Cử nhân Kinh tế



## CASE STUDY 1:

### CÔNG CỤ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KINH TẾ TRONG THỊ TRƯỜNG BẤT ĐỘNG SẢN HIỆN NAY

Thị trường bất động sản ngày càng trở thành một thị trường quan trọng có ảnh hưởng, chi phối lớn đến sự phát triển kinh tế và đời sống xã hội. Trong thị trường bất động sản thì thị trường về đất đai luôn được xem là sôi động và “nóng” nhất, nó diễn ra ở hầu hết các quốc gia trên thế giới. Theo dõi trong hơn 20 năm trở lại đây, có thể dễ dàng nhận diện được thị trường bất động sản (đất) tại Việt Nam đã trải qua 5 “con sóng” về giá cụ thể như sau:

*Lần thứ nhất*, xảy ra xung quanh thời điểm Luật Đất đai năm 1993 ra đời, do những thay đổi liên quan đến cơ chế “Đất có giá do Nhà nước quy định” và các quyền liên quan đến mua bán, chuyển nhượng quyền sử dụng đất...

*Lần thứ hai*, xảy ra giai đoạn những năm 2003, 2004 khi Luật Đất đai năm 2003 ra đời. Trước thực trạng tình hình thực hiện việc định giá đất đai theo Luật Đất đai 1992 có những hạn chế, bất cập, nên đặt ra yêu cầu Nhà nước phải chuyển từ cơ chế “Giá đất do Nhà nước quy định” sang “Nhà nước quy định khung giá đất phù hợp với giá thị trường trong điều kiện bình thường”. Thời kỳ này, thuế chuyển quyền sử dụng đất giảm từ 20% xuống còn 5%..

*Lần thứ ba*, xảy ra từ giữa năm 2007 đến khoảng giữa năm 2008. Lúc này, thị trường đất chịu sức ép tăng giá rất lớn khi thị trường chứng khoán tập trung và phi tập trung phát triển bùng nổ (lên cơn sốt) kiểu “bong bóng”. Do vậy, đã có dòng vốn lớn chuyển dịch từ chứng khoán sang đầu cơ đất đai. Cùng với đó là chính sách tài chính tín dụng mở rộng, các ngân hàng, tổ chức tài chính, nhà đầu tư nước ngoài đã tài trợ, rót vốn rất lớn cho thị trường bất động sản (đơn cử 1 ví dụ: đến tháng 3 - 2008 ở Thành phố Hồ Chí Minh, tổng dư nợ cho vay bất động sản đạt 34.500 tỉ đồng, chiếm 10% tổng dư nợ của các ngân hàng).

*Lần thứ tư*, xảy ra từ cuối 2010 đến khoảng giữa năm 2012 lúc này thị trường đất đai tăng chóng mặt, nhất là tại Hà Nội. “Cơn sốt” này ngay sau đó đã hạ nhiệt và chuyển

sang “đóng băng”. Điều này dẫn đến nhiều nhà đầu cơ vào đất đai bị thua lỗ do vay lãi ngân hàng cao lên đến 14%/năm để đầu cơ đất, nhưng không kịp bán, không ít trường hợp phá sản.

*Lần thứ năm:* Diễn ra từ cuối năm 2018 đến nay, hiện tại các “con sốt” về đất đang diễn ra khu vực ngoại thành Hà Nội, Quảng Ninh, Đà Nẵng, Nha Trang và nhiều địa phương khác trong cả nước. Đây cũng là thời điểm mà luồng quan điểm đang tạo ra xu thế lớn đó là yêu cầu phải sửa đổi Luật Đất đai năm 2013.

Như vậy, trong 20 năm qua, tính từ thời điểm Luật Đất đai 1987 ra đời, thị trường bất động sản nói chung, đặc biệt là thị trường đất đai nói riêng liên tục có các cơn sốt, với tần suất, quy mô, cường độ gia tăng, tác động rất tiêu cực đến KT-XH. Điều này đặt ra yêu cầu đối với Nhà nước cần phải sử dụng các công cụ quản lý của mình để đóng vai trò điều tiết, kiểm soát một các hiệu lực, hiệu quả thị trường đất đai hiện nay.

#### **Nội dung thảo luận:**

- Theo Anh/chị các nguyên nhân chủ yếu của các “con sốt” đất thời gian qua là gì?
- Nhà nước đã thực hiện quản lý thị trường đất đai thông qua những công cụ nào? Hiệu lực, hiệu quả của các công cụ đó?
- Nhà nước cần làm gì để sử dụng các công cụ phát huy được tính hiệu lực, hiệu quả trong điều tiết, kiểm soát thị trường đất đai hiện nay?



## CASE STUDY 2: SÁP NHẬP VÀ TINH GỌN BỘ MÁY

Tỉnh Bình Thuận là một trong những tỉnh đi đầu về thực hiện tinh gọn bộ máy. Căn cứ Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương (khóa XII) về “*Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả*”. Mục tiêu của nghị quyết là tổ chức hợp lý đơn vị hành chính, đơn vị quản lý nhà nước về kinh tế các cấp phù hợp với thực tiễn và xu thế phát triển của đất nước; bảo đảm hoàn thiện thể chế về đơn vị hành chính, bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Từ đó góp phần phát huy mọi nguồn lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống nhân dân; bảo đảm quốc phòng, an ninh; giữ vững an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bình Thuận đã ban hành Kế hoạch số 82-KH/TU ngày 30/01/2018 để triển khai thực hiện Nghị quyết số 18 hiệu quả và yêu cầu các đơn vị tập trung rà soát, sắp xếp, kiện toàn, tinh gọn đầu mối bên trong các tổ chức của hệ thống chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội của tỉnh. Việc sắp xếp, kiện toàn, tinh gọn các cơ quan tổ chức gắn với tinh giản biên chế, cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Việc sắp xếp lại tổ chức bộ máy không được tăng thêm đầu mối và biên chế.

Trong sáp nhập bộ máy giai đoạn 1 có các sở, sở ban ngành khối chuyên môn, đặc biệt đối với Sở và Phòng/Ban cấp huyện về lĩnh vực quản lý nhà nước về kinh tế được sáp nhập như sau:

- Sáp nhập sở Kế hoạch và Đầu tư với sở Tài chính thành **Sở Tài chính - Kế hoạch**
- Sáp nhập Phòng Kinh tế và Phòng Tài chính - Kế hoạch thành phòng **Phòng Kinh tế - Tài chính** (đối với phòng cấp huyện).

**Nội dung thảo luận:**

- Theo Anh/chị vì sao mà Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương ban hành?

- Việc sáp nhập các đơn vị quản lý kinh tế sẽ có những thuận lợi và khó khăn thách thức nào?

- Việc sáp nhập các đơn vị đặt ra yêu cầu đồng thời phải hợp nhất tổ chức bộ máy các phòng ban trong 2 sở trên và các bộ phận cấp phòng trong huyện, vậy theo Anh/chị điều gì xảy ra trong công tác tổ chức, sắp xếp cán bộ?

- Để nâng cao tổ chức, bộ máy sau khi sáp nhập hoạt động một cách hiệu lực, hiệu quả về lĩnh vực quản lý nhà nước về kinh tế, cần phải chú ý triển khai thực hiện những giải pháp nào trước, trong và sau khi sáp nhập.



**CASES TUDY 3:**  
**NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ**  
**KINH TẾ CẤP THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Thủ đô Hà Nội là trung tâm đầu não về chính trị, văn hoá và khoa học kỹ thuật, đồng thời là trung tâm lớn về giao dịch kinh tế và quốc tế của cả nước, vì vậy UBND thành phố Hà Nội đã quan tâm đầu tư xây dựng đội ngũ cán bộ làm công việc QLNN về KT trên địa bàn được đánh giá là có chất lượng cao so với các địa phương khác. Tuy nhiên, với yêu cầu nhiệm vụ thì chất lượng đội ngũ cán bộ QLNN về KT cấp thành phố ở Hà Nội chưa đáp ứng yêu cầu trong bối cảnh hiện nay. Nếu không có đội ngũ CB QLNN về KT cấp thành phố đủ mạnh, Hà Nội có thể gặp phải nhiều khó khăn cản trở quá trình phát triển KT - XH trên địa bàn. Chính vì thế, nâng cao chất lượng đội ngũ CB QLNN về KT cấp thành phố ở Hà Nội đang được quan tâm.

Các cơ quan chính làm nhiệm vụ QLNN về KT trên địa bàn thành phố Hà Nội bao gồm: sở Công thương, sở Tài chính, sở Kế hoạch và Đầu tư, sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, sở Tài nguyên và Môi trường, Văn phòng UBND thành phố. Tính đến năm 2018, tổng số cán bộ làm công tác QLNN về KT của Hà Nội là 959 người trong đó: có trình độ trên đại học là 505 người (52,66%), trình độ đại học là 418 người (chiếm 43,59%), số cán bộ còn lại là 36 người (chiếm 3,75%). Phần lớn CB QLNN về KT của Hà Nội có trình độ từ đại học trở lên. Đặc biệt, những người giữ chức danh lãnh đạo ở các vị trí đều có trình độ đại học hoặc trên đại học.

- Đánh giá về năng lực chuyên môn trong quản lý nhà nước về kinh tế cho thấy: Năng lực lập chương trình, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế cho thấy (Tốt đạt 26,51%, Khá đạt 51,90%, Trung bình 16,40%, Yếu đạt 5,19%); Năng lực quản lý, kiểm tra, giám sát các hoạt động kinh tế thuộc lĩnh vực chuyên môn hiện nay (Tốt đạt 28,10%, Khá đạt 50,8%, Trung bình 17,1%, Yếu đạt 4,0%)

- Về trang bị kiến thức về KTTT và hội nhập KT quốc tế trong bối cảnh hiện nay, thành phố chưa quan tâm mở các lớp đào tạo bồi dưỡng nhằm trang bị kiến thức về KTTT và hội nhập KT quốc tế.

Về trình độ tin học, ngoại ngữ, 95% CB QLNN về KT của Hà Nội có bằng hoặc chứng chỉ về tin học, ngoại ngữ. Tuy nhiên về ngoại ngữ thể sử dụng trong giao tiếp khi thực thi công vụ đạt 25,2%, Cán bộ gặp khó khăn khi sử dụng ngoại ngữ trong giao tiếp thực thi nhiệm vụ chiếm 74,8%. Sử dụng và sử dụng thành thạo máy vi tính khi thực thi

nhiệm vụ (chiếm 91,1%), còn lại 8,9%) chưa sử dụng được thành thạo máy tính khi thực thi nhiệm vụ.

Mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao của cán bộ QLNN về KT cấp thành phố của Hà Nội năm 2018: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ (24,1%); Hoàn thành tốt nhiệm vụ (60,1%); Hoàn thành nhiệm vụ (13,8%); Không hoàn thành nhiệm vụ (2,0%). Cán bộ hoàn thành tốt nhiệm vụ và hoàn xuất sắc nhiệm vụ là do được bố trí đúng năng lực, sở trường, có kinh nghiệm công tác; Cán bộ không hoàn thành nhiệm vụ nguyên nhân là năng lực thấp, sức khỏe yếu, có trường hợp bố trí không đúng chức năng nhiệm vụ chuyên môn.

UBND TP Hà Nội đã đánh giá về những tồn tại và hạn chế cán bộ trong công tác quản lý nhà nước về kinh tế như sau: (i) Năng lực trình độ cán bộ chưa ngang tầm với đòi hỏi của sự phát triển kinh tế của thành phố; (ii) Một số bộ phận cán bộ còn yếu về năng lực lập chương trình, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế và năng lực quản lý, kiểm tra, giám sát các hoạt động kinh tế thuộc lĩnh vực chuyên môn (iii) Công tác đánh giá công chức còn hình thức, chung chung, chưa có tiêu chí cụ thể, do đó chưa phản ánh đúng thực chất; (iv) Khả năng sử dụng ngoại ngữ trong giao tiếp công vụ còn hạn chế. Kiến thức hội nhập kinh tế quốc tế trong tình hình mới còn thiếu, chưa quan tâm mở các lớp bồi dưỡng; (v) Còn tình trạng bố trí công chức không đúng chuyên môn còn diễn ra dẫn đến hiệu quả công việc thấp...

#### **Nội dung thảo luận:**

- Anh/chị hãy cho biết vai trò của cán bộ trong quản lý nhà nước về kinh tế thuộc UBND cấp tỉnh/thành phố là gì?

- Qua các thông tin trên, Anh/chị hãy đưa ra đánh giá của mình về chất lượng cán bộ trong các cơ quan quản lý nhà nước về kinh tế thuộc UBND TP Hà Nội?

- Giải pháp nào để nâng cao chất lượng cán bộ trong các cơ quan quản lý nhà nước về kinh tế thuộc UBND TP Hà Nội là gì?



TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ  
Khoa Kinh tế Chính trị

**BẢNG TRỌNG SỐ NỘI DUNG HỌC PHẦN**

Học phần: Quản lý nhà nước về kinh tế

Mã học phần: PEC 2002

Số tín chỉ: 3

Thời gian làm bài: 90 phút

TT	Nội dung	%	Cấp độ 1 (%) (Tái hiện-Biết)	Cấp độ 2 (%) (Tái tạo-Hiểu và Áp dụng)	Cấp độ 3 (%) (Lập luận-Phân tích và Đánh giá)	Cấp độ 4 (%) (Sáng tạo)
1	Những vấn đề chung của QLNN về KT (chương 1)	10	10			
2	- Chức năng và nguyên tắc QLNN về KT (chương 2) - Phương pháp và công cụ QLNN về KT (chương 3)	40	10	20	10	
3	- Thông tin và quyết định QLNN về KT (chương 4) - Bộ máy QLNN về KT (chương 5) - Công chức QLNN về KT (chương 6)	40	10	20	10	
4	QLNN về KT trong bối cảnh mới (chương 7)	10			10	
	<b>Tổng</b>	<b>100</b>	<b>30</b>	<b>40</b>	<b>30</b>	



TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ  
**Khoa Kinh tế Chính trị**

**CẤU TRÚC ĐỀ THI KẾT THÚC HỌC PHẦN**

Học phần: Quản lý nhà nước về kinh tế

Mã học phần: PEC 2002

Số tín chỉ: 3

Thời gian làm bài: 90 phút

Nội dung	%	Cấp độ 1 (Tái hiện-Biết)						Cấp độ 2 (Tái tạo-Hiểu+Áp dụng)						Cấp độ 3 (Lập luận-Phân tích và đánh giá)						Cấp độ 4 (Sáng tạo)					
		Trắc nghiệm			Tự luận			Trắc nghiệm			Tự luận			Trắc nghiệm			Tự luận			Trắc nghiệm			Tự luận		
		SL	TG	Đ	SL	TG	Đ	SL	TG	Đ	SL	TG	Đ	SL	TG	Đ	SL	TG	Đ	SL	TG	Đ	SL	TG	Đ
I	10	4	4	10																					
II	40	4	4	10						1/2	15	20				1/2	15	10							
III	40	4	4	10						1/2	15	20				1/2	15	10							
IV	10															1	18	10							
Tổng	100	12	12	30						1	30	40				2	48	30							
%	100%	30						40						30											

**Ghi chú:**

- Thang điểm 100
- Đề thi bán trắc nghiệm gồm 2 phần:
  - o Phần 1 (30 điểm) gồm 12 câu trắc nghiệm cấp độ 1 kiểm tra khối kiến thức I, II và III.
  - o Phần 2 (70 điểm) gồm 3 câu tự luận:
    - Câu 1 (30 điểm) gồm 2 ý: ý 1 cấp độ 2 (20 điểm), ý 2 cấp độ 3 (10 điểm) kiểm tra khối kiến thức II.
    - Câu 2 (30 điểm) gồm 2 ý: ý 1 cấp độ 2 (20 điểm), ý 2 cấp độ 3 (10 điểm) kiểm tra khối kiến thức III.
    - Câu 3 (10 điểm) cấp độ 3, kiểm tra khối kiến thức IV.

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

Giảng viên thiết kế

Phạm Thị Hồng Điệp

Chủ nhiệm Khoa

Trần Đức Hiệp

Trung tâm ĐBCLGD

Đào Thị Thanh Huyền

